

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HC-PT
Ngày: 13 - 6 - 2024
V/v khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Thẩm phán: Ông Vũ Đức Hùng

Bà Vũ Thị Thanh Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Khang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Văn Lai - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2023/TLPT-HC ngày 09 tháng 3 năm 2023, về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2022/HC-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2024/QĐPT-HC ngày 03 tháng 5 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 04/TB-TA ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Lê Thị T, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn P, xã T1, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn D, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 320 N1, phường X, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận (Văn bản ủy quyền ngày 17/5/2021).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân xã T1

Địa chỉ: Thôn Mũi Đá, xã T1, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Trọng M – Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền số 523/QĐ-UBND ngày 15/8/2022).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn P, xã T1, thị xã L,

tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn D, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 320 Nguyễn Hội, phường X, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận (Văn bản ủy quyền ngày 18/8/2022).

2. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai L

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Thái Hậu – Phó Giám đốc (Giấy ủy quyền số 09/GUQ ngày 28/5/2024).

Tại phiên tòa, có mặt ông Trần Văn D, ông Phan Trọng M và ông Đào Thái Hậu; còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Lê Thị T và người đại diện theo ủy quyền ông Trần Văn D trình bày:

Năm 1999, gia đình bà Lê Thị T khai hoang một thửa đất có diện tích khoảng 9.000m² trước đây tọa lạc tại thôn M1, xã T2, huyện H2 cũ; nay là thôn P, xã T1, thị xã L. Sau khi khai hoang, gia đình bà T trồng điều, và trồng xen canh thêm một số cây ngắn ngày như mì, bắp, đậu. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đất không tranh chấp, không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính về bất kì hành vi nào liên quan đến diện tích đất nói trên. Năm 2009, Nhà nước làm đường nên thửa đất trên được chia thành hai thửa gồm: Thửa số 188, diện tích 1.409,9m² và thửa số 189, diện tích 6.439,5m² (kèm bản sao trích đo). Ngày 28/4/2020, bà T nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi là Giấy chứng nhận) đối với thửa đất số 188, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.409,9m² và thửa đất số 189, tờ bản đồ số 6, diện tích 6.439,5m². Ngày 19/11/2020, Ủy ban nhân dân xã T1 xác nhận vào hai hồ sơ đăng ký cấp giấy của bà T với nội dung: Đất gia đình bà T đang sử dụng có nguồn gốc đất Nhà nước đang quản lý (do Ủy ban nhân dân xã T2 bàn giao tháng 12 năm 2005). Sau đó, Ủy ban nhân dân xã T1 chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền để xem xét cấp Giấy chứng nhận. Dựa trên cơ sở nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T1 nên ngày 15/01/2021 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai L xác nhận và chuyển trả hồ sơ của bà T cho Ủy ban nhân dân xã T1. Ngày 02/02/2021, Ủy ban nhân dân xã T1 ban hành Văn bản số 43/UBND có nội dung: Dựa vào nội dung xác nhận ngày 15/01/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai L như sau: “*Căn cứ khoản 5 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Hồ sơ không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ do đất Nhà nước đang quản lý*”. Đồng thời, Ủy ban nhân dân xã T1 trả lại hồ sơ đề nghị cấp đất đối với hai thửa đất trên cho bà T. Bà T cho rằng nội dung của Văn bản số 43/UBND và nội dung xác nhận vào hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận nêu trên của Ủy ban nhân dân xã T1 là trái luật, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của gia đình bà T. Bởi vì: Nguồn gốc diện tích đất trên là do gia đình bà T khai hoang và sử dụng ổn định, liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp từ năm 1999 đến nay; việc sử dụng

đất không bị tranh chấp, không bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định pháp luật. Căn cứ vào nguồn gốc và quá trình sử dụng đất thì gia đình bà T đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai, khoản 5 Điều 20 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân xã T1 xác nhận vào hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận của bà T đất có nguồn gốc do Nhà nước đang quản lý (do Ủy ban nhân dân xã T2 bàn giao tháng 12 năm 2005) là không đúng thực tế, sai quy định pháp luật, làm cho gia đình bà T không được cấp Giấy chứng nhận đối với diện tích đất trên. Nay, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Văn bản số 43/UBND ngày 02/02/2021 của Ủy ban nhân dân xã T1 về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Tuyên bố hành vi của Ủy ban nhân dân xã T1 về việc xác nhận nguồn gốc đất là đất Nhà nước quản lý đối với hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T là trái pháp luật;

- Buộc Ủy ban nhân dân xã T1 phải nhận lại hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T và xác nhận vào nội dung đơn theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đối với yêu cầu này tại phiên tòa sơ thẩm, phía người khởi kiện xin thay đổi lại cụ thể yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T1 thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý đất đai cho bà Lê Thị T đối với 02 thửa đất số 188, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.409,9m² và thửa đất số 189, tờ bản đồ số 6, diện tích 6.439,5m², tọa lạc tại Thôn P, xã T1, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân xã T1 trình bày: Đất bà Lê Thị T đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận có nguồn gốc trước đây thuộc trong 21 hecta đất Lâm trường H2 quản lý. Sau đó năm 2002, Lâm trường H2 bàn giao lại đất này cho Ủy ban nhân dân xã T2 cũ quản lý, tiếp đến tháng 01/2006 Ủy ban nhân dân phường T2 bàn giao lại cho Ủy ban nhân dân xã T1 (sau khi chia tách địa giới hành chính). Thực tế, sau khi nhận bàn giao đất từ Ủy ban nhân dân phường T2, Ủy ban nhân dân xã T1 xuống thực địa kiểm tra thấy trên đất đã bị bà T lấn chiếm trồng cây cối trước thời điểm Ủy ban nhân dân xã T1 tiếp nhận bàn giao đất (tháng 01/2006). Căn cứ vào bản đồ địa chính và biên bản bàn giao đất giữa Ủy ban nhân dân phường T2 và Ủy ban nhân dân xã T1 vào ngày 06/01/2006 thì phía Ủy ban nhân dân xã T1 khẳng định đất bà T đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận là đất thuộc Ủy ban nhân dân xã T1 quản lý. Tài liệu liên quan phía Ủy ban nhân dân xã T1 cung cấp là Biên bản bàn giao đất giữa Ủy ban nhân dân phường T2 và Ủy ban nhân dân xã T1 vào ngày 06/01/2006; Biên bản bàn giao đất ngoài quy hoạch 03 loại rừng năm 2002 giữa Ủy ban nhân dân xã T2 cũ và Lâm trường H2; Bản đồ; Báo cáo số 24/BC/UBTA ngày 28/7/2003 của Ủy ban nhân dân xã T2 cũ; Ngoài ra không có hồ sơ nào khác. Quá trình sử dụng đất phía Ủy ban không có ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nào đối với trường hợp của bà T. Tóm lại, Ủy ban nhân dân xã T1 vẫn bảo lưu quan điểm về việc xác nhận nguồn gốc đất trong đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận của bà T và giữ nguyên nội dung Văn bản 43/UBND ngày 02/02/2021; không đồng ý yêu cầu của người khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N1 trình bày: Thống nhất ý kiến và yêu cầu của người khởi kiện bà Lê Thị T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2022/HC-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi đã quyết định:

Căn cứ vào: Điều 30, Điều 31, Điều 78, Điều 79, Điều 173, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 101 Luật Đất đai; Điều 20, Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

- Hủy bỏ Văn bản số 43/UBND ngày 02/02/2021 của Ủy ban nhân dân xã T1 về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn N1, bà Lê Thị T;

- Buộc Ủy ban nhân dân xã T1 thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý đất đai cho ông Nguyễn Văn N1, bà Lê Thị T đối với thửa đất thứ nhất với diện tích 1.409,9m² và thửa đất thứ hai với diện tích 6.439,5m², tọa lạc tại Thôn P, xã T1, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/10/2022, người bị kiện Ủy ban nhân dân xã T1 kháng cáo Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

1. Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã T1 giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

2. Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

3. Người đại diện hợp pháp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, trường hợp Ủy ban nhân dân xã T1 xác nhận lại đầy đủ các mục theo mẫu đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai L sẽ xem xét có ý kiến sau.

4. Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 và khoản 4 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Tuyên xử:

Hủy một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2022/HC-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi và đình chỉ giải quyết đối

với yêu cầu hủy Văn bản số 43/UBND ngày 02/02/2021 của Ủy ban nhân dân xã T1 về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2022/HC-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi; Tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã T1 về việc xác nhận nguồn gốc đất là đất Nhà nước quản lý đối với hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T, ông N1 là trái pháp luật và buộc Ủy ban nhân dân xã T1 thực hiện nhiệm vụ, công vụ xác nhận nguồn gốc đất cho gia đình bà T, ông N1 theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về việc đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn N1:

[1.1] Theo Giấy tiếp nhận hồ sơ số 63 và Phiếu nhận số 53/PN của Ủy ban nhân dân xã T1 thể hiện:

Vào ngày 28/3/2020, vợ chồng bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn N1 nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 189, tờ bản đồ số 6, diện tích 6.439,5m², tọa lạc tại Thôn P, xã T1, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Vào ngày 05/11/2020, vợ chồng bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn N1 nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 188, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.409,9m², tọa lạc tại Thôn P, xã T1, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

[1.2] Đến ngày 19/11/2020, Ủy ban nhân dân xã T1 xác nhận vào Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà T, ông N1:

- Đối với thửa số 188, Ủy ban nhân dân xã T1 chỉ xác nhận 02/07 nội dung theo mẫu đơn, cụ thể:

“1. Nội dung kê khai so với hiện trạng: Nội dung kê khai đúng so với hiện trạng.

2. Nguồn gốc sử dụng đất: Đất ông Nguyễn Văn N1, bà Lê Thị T đang sử dụng có nguồn gốc đất Nhà nước đang quản lý (do UBND xã T2 bàn giao tháng 12 năm 2005)”.

- Đối với thửa số 189, Ủy ban nhân dân xã T1 chỉ xác nhận 01/07 nội dung theo mẫu đơn, cụ thể:

“2. Nguồn gốc sử dụng đất: Đất ông Nguyễn Văn N1, bà Lê Thị T đang sử dụng có nguồn gốc đất Nhà nước đang quản lý (do UBND xã T2 bàn giao tháng 12 năm 2005)”.

[1.3] Ngày 19/01/2021, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai L có ý kiến: *“Căn cứ khoản 5 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Hồ sơ không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do đất Nhà nước đang quản lý”* và hoàn trả hồ sơ cho Ủy ban nhân dân xã T1.

[1.4] Đến ngày 02/02/2021, Ủy ban nhân dân xã T1 ban hành Công văn số 43/UBND về việc có ý kiến đối với hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn N1, bà Lê Thị T và hoàn trả hồ sơ cho vợ chồng bà T, ông N1.

[2] Bà Lê Thị T cho rằng nội dung của Văn bản số 43/UBND và nội dung xác nhận vào hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của Ủy ban nhân dân xã T1 là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của gia đình bà T, nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Văn bản số 43/UBND ngày 02/02/2021 của Ủy ban nhân dân xã T1;
- Tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã T1 về việc xác nhận nguồn gốc đất là đất Nhà nước quản lý đối với hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T là trái pháp luật;
- Buộc Ủy ban nhân dân xã T1 thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

[3] Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Lê Thị T, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là *“Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”* là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Sau khi nhận Văn bản số 43/UBND ngày 02/02/2021 của Ủy ban nhân dân xã T1; Đến ngày 02/6/2021, bà Lê Thị T nộp đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[5] Xét tính hợp pháp của hành vi hành chính bị khiếu kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[5.1] Hai thửa đất số 188, diện tích 1.409,9m² và số 189, diện tích 6.439,5m², cùng tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Thôn P, xã T1, thị xã L, tỉnh Bình Thuận mà vợ chồng bà T, ông N1 nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguyên là thửa đất số 74, tờ bản đồ số 6, vào năm 2019, khi Nhà nước thu hồi đất thì thửa đất này tách thành 02 thửa số 188 và 189. Theo Bảng tính toán giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thị xã L số 45/BGTBT ngày 10/11/2019 thì gia đình bà Lê Thị T được bồi thường 22 cây điều, trong đó có 11 cây 20 năm tuổi.

Như vậy, việc bà Lê Thị T cho rằng vợ chồng bà đã canh tác và sử dụng 02 thửa đất này ổn định, liên tục từ năm 1999 đến nay là hoàn toàn có căn cứ.

[5.2] Ủy ban nhân dân xã T1 cho rằng hai thửa đất 188 và 189 bà Lê Thị T đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận có nguồn gốc trước đây thuộc trong 21 ha đất do Lâm trường H2 quản lý. Đến năm 2002, Lâm trường H2 bàn giao lại cho Ủy ban nhân dân xã T2 cũ quản lý, tiếp đến tháng 01/2006, Ủy ban nhân dân

phường T2 bàn giao lại cho Ủy ban nhân dân xã T1 (sau khi chia tách địa giới hành chính). Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã T1 thừa nhận: Sau khi nhận bàn giao đất từ Ủy ban nhân dân phường T2, Ủy ban nhân dân xã T1 xuống thực địa kiểm tra thì thấy trên đất đã bị bà T lấn chiếm trồng cây cối trước thời điểm Ủy ban nhân dân xã T1 tiếp nhận bàn giao đất (tháng 01/2006) và xác định quá trình sử dụng đất từ trước đến nay, vợ chồng của bà T không bị cơ quan nào xử lý hành chính về hành vi lấn chiếm đất đai.

[5.3] Do đó, vợ chồng bà T hoàn toàn đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 5 Điều 20 và khoản 1, khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

[5.4] Từ nhận định trên, xét thấy Ủy ban nhân dân xã T1 chỉ căn cứ vào hồ sơ quản lý đất đai xác nhận nguồn gốc đất là do Nhà nước quản lý, không xác nhận đầy đủ các thông tin khác theo quy định tại mẫu đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể về thời điểm, quá trình sử dụng đất của vợ chồng bà Lê Thị T như đã nhận định trên, về thời gian tạo lập tài sản gắn liền với đất, về tình trạng tranh chấp đất, về sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, ..., nên bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu tuyên bố hành vi xác nhận nguồn gốc đất của Ủy ban nhân dân xã T1 là trái pháp luật là hoàn toàn có cơ sở, như quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp.

[6] Về quyết định hành chính bị khiếu kiện:

[6.1] Như đã nhận định trên, do việc xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất không đúng, không đầy đủ, trái pháp luật, dẫn đến việc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai L có ý kiến vợ chồng bà Lê Thị T không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ đó, Ủy ban nhân dân xã T1 ban hành Văn bản số 43/UBND ngày 02/02/2021 và hoàn trả hồ sơ cho vợ chồng bà T không đúng quy định của pháp luật.

[6.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã T1 và Kiểm sát viên cho rằng Văn bản số 43/UBND ngày 02/02/2021 chỉ có nội dung thông tin việc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có ý kiến về việc các thửa đất không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ gì của vợ chồng bà T nên không phải là quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính. Về vấn đề này, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù Văn bản số 43/UBND ngày 02/02/2021 mang tính chất thông tin về ý kiến của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, nhưng trên cơ sở Văn bản số 43/UBND này, Ủy ban nhân dân xã T1 hoàn trả hồ sơ cho vợ chồng bà T, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính là đúng quy định.

[7] Tuy nhiên, xem xét Bản án hành chính sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[7.1] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc hủy Văn bản số 43/UBND ngày 02/02/2021 của

Ủy ban nhân dân xã T1 và đã tuyên buộc Ủy ban nhân dân xã T1 thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật, nên không cần thiết tuyên bố hành vi của Ủy ban nhân dân xã T1 về việc xác nhận nguồn gốc đất là đất do Nhà nước quản lý là trái pháp luật, điều này là không đúng quy định của pháp luật. Vì Văn bản số 43/UBND ngày 02/02/2021 là trả hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên việc tuyên buộc thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định là buộc nhận lại hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc này khác với việc tuyên bố hành vi xác nhận nguồn gốc đất trái pháp luật.

[7.2] Mặc dù Bản án không tuyên trong phần quyết định hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã T1 về việc xác nhận nguồn gốc đất là hành vi hành chính trái pháp luật, nhưng Bản án sơ thẩm cũng đã nhận định đầy đủ về hành vi hành chính này, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy không cần thiết phải hủy Bản án sơ thẩm, mà chỉ cần sửa Bản án sơ thẩm, quyết định thêm phần này.

[8] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc Ủy ban nhân dân xã T1 phải chịu 600.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm là không đúng quy định. Vì pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án không quy định án phí theo từng yêu cầu khởi kiện, mà chỉ quy định án phí hành chính không có giá ngạch theo từng vụ án với mức 300.000 đồng.

[9] Từ các nhận định trên, xét thấy kháng cáo của Ủy ban nhân dân xã T1 và quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị hủy một phần Bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Văn bản số 43/UBND ngày 02/02/2021 là không phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10] Về án phí: Do Bản án sơ thẩm bị sửa, nên người kháng cáo Ủy ban nhân dân xã T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm a khoản 2 Điều 241, khoản 2 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính;

Bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân xã T1; Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2022/HC-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 5 Điều 20 và khoản 1, khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Lê Thị T:

- Hủy Văn bản số 43/UBND ngày 02/02/2021 của Ủy ban nhân dân xã T1;

- Tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã T1 về việc xác nhận nguồn gốc đất là đất Nhà nước quản lý đối với hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn N1 là trái pháp luật;

- Buộc Ủy ban nhân dân xã T1 thực hiện nhiệm vụ, công vụ nhận lại hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn N1 và xác nhận nguồn gốc đất theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Buộc Ủy ban nhân dân xã T1 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Lê Thị T 900.000 đồng (*Chín trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004582 ngày 10/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi.

- Hoàn trả lại cho Ủy ban nhân dân xã T1 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0012835 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (13/6/2024).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh B.Thuận;
- TAND thị xã L.Gi;
- VKSND thị xã L.Gi;
- Chi cục THADS thị xã L.Gi;
- Lưu: hồ sơ, THC, Tổ HCTP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Thái